



SAMYANG ANIPHARM CO., LTD.

Giới thiệu công ty

Đại diện	Phil Hong MIN
Ngày thành lập	1975
Loại ngành kinh doanh	Sản xuất sản phẩm hóa học khác
Lĩnh vực kinh doanh chính	Thuốc thú y, sản phẩm vệ sinh thú y, thức ăn bổ sung...
Dạng thuốc được cấp phép	Thuốc tiêm, thuốc dạng lỏng, thuốc bột
Lịch sử	<p>2019.12. Đạt "Cúp nhà xuất khẩu ba triệu đô la" cho KITA</p> <p>2019.03. Tham gia triển lãm VIV ASIA 2019 tại Bangkok, Thái Lan</p> <p>2017.09. Tham gia phái đoàn thương mại Hàn Quốc tới cộng đồng các quốc gia độc lập CIS</p> <p>2016.12. Đạt "Cúp của Bộ trưởng Bộ Nông lâm, công nghiệp chăn nuôi và lương thực Hàn Quốc"</p> <p>2009.09. Ra mắt nhãn hiệu mới "GREEN-WELL" bao gồm các sản phẩm không chứa kháng sinh</p> <p>2005.01. Đổi tên công ty thành 'SAMYANG ANIPHARM CO., LTD.'</p> <p>1997.03. Chứng nhận KVGMP của Bộ Nông lâm</p> <p>1975.07. SAMYANG PHARMA CHEMICALS được thành lập</p>

SAMYANG ANIPHARM CO., LTD. được thành lập vào năm 1975, là một công ty chuyên sản xuất, kinh doanh thuốc thú y và sản phẩm vệ sinh thú y.

Dựa trên công nghệ sản xuất liên tục được tích lũy trong hơn 40 năm, chúng tôi sản xuất hơn 200 loại sản phẩm, bao gồm thuốc tiêm, phụ gia thức ăn, thuốc mỡ điều trị viêm vú, thuốc dành riêng cho thú cưng, thuốc thủy sản và thuốc trừ sâu, với chất lượng tuyệt vời đáp ứng tiêu chuẩn KVGMP nghiêm ngặt (chứng nhận kiểm tra chất lượng thuốc thú y).

Thông tin

Địa chỉ	6-5, Tongil-ro 83-gil, Eunpyeong-gu, Seoul, Republic of Korea
Số điện thoại / Fax	T. +82-2-388-2521/ F. +82-2-357-8753
E-Mail	yjshin@syap.co.kr
Web	www.syap.co.kr

Các quốc gia xuất khẩu chính





IGY-COL powder

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) IGY-COL powder
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-A0031, 2014. 11. 28.
- | HS-CODE 2309 90
- | Các nước đã xuất khẩu Trung Quốc, Nhật Bản
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, Trung Quốc, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Bột IGY-COL chứa kháng thể lòng đỏ trứng và kháng thể sữa non chống lại 10 bệnh sau: PED virus, TGE virus, Rotavirus, E.coli, Salmonella typhimurium, PCV2, Mycoplasma hyopneumoniae, Haemophilus parasuis, Pasteurella multocida, Streptococcus suis.
 - ▶ Sản phẩm này chứa lợi khuẩn Bacillus subtilis và Clostridium butyricum, giúp tăng cường chức năng đường ruột, chứa hàm lượng axit ascorbic, taurine, fructooligosaccharide, sorbitol là những hợp chất có hoạt tính sinh học.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Heo con
 - ▶ Các bệnh liên quan: PED virus, TGE virus, Rotavirus, E.coli, Salmonella typhimurium, PCV2, Mycoplasma hyopneumoniae, Haemophilus parasuis, Pasteurella multocida, Streptococcus suis.
 - ▶ Tác dụng: Phòng chống tiêu chảy, tăng cường miễn dịch, cải thiện chức năng đường ruột, tác dụng làm sạch đường ruột
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Yolk powder, Colostrum powder, Bacillus subtilis, Clostridium butyricum, Ascorbic, Taurine, Fructo-oligosaccharide, Glucose, Sorbitol
 - ▶ Hình thức (bột), đơn vị đóng gói (100 g)



IGY-ONESHOT F powder

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) IGY-ONESHOT F powder
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-A013, 2009. 10. 22.
- | HS-CODE 2309 90
- | Các nước đã xuất khẩu Nhật Bản
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, Trung Quốc, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Bột IGY-ONESHOT F chứa kháng thể lòng đỏ trứng và kháng thể sữa non chống lại 8 bệnh sau: Rota virus, Corona virus, BVD virus, E. coli, Salmonella typhimurium, Salmonella enteritis, Mannheimia haemolytica, Pasteurella multocida A.
 - ▶ Sản phẩm này chứa lợi khuẩn Bacillus subtilis và Clostridium butyricum, giúp tăng cường chức năng đường ruột, chứa hàm lượng axit ascorbic, taurine, fructooligosaccharide, sorbitol là những hợp chất có hoạt tính sinh học.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bê
 - ▶ Các bệnh liên quan: Rota virus, Corona virus, BVD virus, E. coli, Salmonella typhimurium, Salmonella enteritis, Mannheimia, haemolytica, Pasteurella multocida A.
 - ▶ Tác dụng: Phòng chống tiêu chảy, tăng cường miễn dịch, cải thiện chức năng đường ruột, tác dụng làm sạch đường ruột
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Yolk powder, Colostrum powder, Ascorbic acid, Taurine, Bacillus subtilis, Clostridium butyricum, Fructo-oligosaccharide, Sorbitol, Glucose
 - ▶ Hình thức (bột), đơn vị đóng gói (20g)



BIO-3 S w.s.p

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) BIO-3 S w.s.p
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-A017, 2010. 9. 16.
- | HS-CODE 3002 90
- | Các nước đã xuất khẩu Việt Nam, Malaysia, Uzbekistan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, Trung Quốc, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Ba loại lợi khuẩn hoạt tính giúp cải thiện sự cân bằng của vi khuẩn đường ruột.
 - ▶ Vi khuẩn đường ruột dễ thay đổi khi căng thẳng (khi ngừng ăn thức ăn chăn nuôi, khi vận chuyển, nhiệt độ cao...) hoặc thay đổi do sử dụng thuốc. Sản phẩm này giữ cho ruột ở trong tình trạng tốt.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, ngựa, lợn, gà, chó, mèo
 - ▶ Tác dụng: Phòng chống tiêu chảy, thúc đẩy tiêu hóa và hấp thụ bằng cách tăng cường các nhung mao ruột
 - Bình thường hóa hệ vi sinh đường ruột, tăng cường miễn dịch, thúc đẩy tăng trưởng, kích thích tăng trọng, cải thiện tỷ lệ đẻ trứng, giảm mùi hôi của phân vật nuôi
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Enterococcus faecium, Bacillus subtilis, Clostridium butyricum, Lactose, Glucose
 - ▶ Hình thức (bột), đơn vị đóng gói (100 g, 1 kg, 10 kg, 20 kg)



BUTAPHOS-B inj.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) BUTAPHOS-B inj.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 10-212, 2003. 5. 2.
- | HS-CODE 3004 50
- | Các nước đã xuất khẩu Indonesia, Việt Nam, Bangladesh, Uzbekistan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ BUTAPHOS-B inj. là loại thuốc kích thích trao đổi chất bao gồm các hợp chất phot pho hữu cơ Butaphosphan và Vitamin B12.
 - ▶ Butaphosphan được hấp thụ nhanh chóng và cung cấp phot pho cho cơ thể sống để thúc đẩy quá trình trao đổi chất tổng thể của các loài động vật và cải thiện chức năng gan, tăng sức sống và sức đề kháng cho vật nuôi. Bên cạnh đó, vitamin B12 tác động lên quá trình chuyển hóa chất béo và carbohydrate để thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của tất cả động vật, đặc biệt là con non, tăng sức đề kháng chống lại bệnh tật bằng cách thúc đẩy sự thèm ăn, cải thiện chức năng sinh sản của động vật sinh sản, kích thích tạo hồng cầu và tổng hợp sinh học hồng cầu để tạo máu.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, ngựa, cừu, cừu non, lợn, lợn con, chó, mèo
 - ▶ Tác dụng: Thuốc đẩy nhanh hầu hết các quá trình trao đổi chất trong cơ thể và có hiệu quả trong những trường hợp sau. Sử dụng làm thuốc bổ trợ khi điều trị các bệnh cấp tính và rối loạn chuyển hóa, liệt nhẹ, biếng ăn, giảm tiết sữa, phục hồi mệt mỏi sau khi làm việc, suy nhược ở con non, đau lưng ở ngựa, thiếu canxi...; đối với các bệnh mãn tính và rối loạn chuyển hóa mãn tính, chậm lớn ở con non, tăng cường tăng trưởng, tăng cường sức sống và sức đề kháng với các trường hợp ốm yếu, thiếu dinh dưỡng, vô sinh, thiếu máu thứ phát do nhiễm ký sinh trùng, tăng cường sức sống và sức đề kháng cho vật nuôi khỏe mạnh.
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Butaphosphan, Cyanocobalamin (Vitamin B12)
 - ▶ Hình thức (thuốc tiêm), đơn vị đóng gói (50 mL, 100 mL)





CHITONAL sol.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) CHITONAL sol.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép CC9VY0007Y, 1964. 4. 27.
- | HS-CODE 3004 90
- | Các nước đã xuất khẩu Malaysia, Ai Cập
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, Trung Quốc, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Đây là thuốc dạng lỏng để uống, với thành phần chính là axit keto chiết xuất từ vỏ các loại động vật giáp xác dưới biển, có tác dụng tăng cường miễn dịch, thúc đẩy tăng trưởng, giảm số lượng tế bào xoma, phòng ngừa căng thẳng.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, lợn, gà
 - ▶ Tác dụng
 - Bò: Giảm tế bào xoma, phòng trị bệnh viêm vú, phòng tiêu chảy ở bê, tăng cường sức kháng bệnh
 - Lợn: Thúc đẩy tăng trưởng, phòng chống bệnh tiêu chảy ở heo con, giảm tỷ lệ chết, tăng sức kháng bệnh, rút ngắn ngày xuất chuồng
 - Gà: Cải thiện chất lượng vỏ trứng, ngăn ngừa đẻ trứng non / vỡ, cải thiện tỷ lệ nở, ngăn ngừa tiêu chảy, rút ngắn ngày xuất chuồng
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin C, Aminoethyl Sulfonic acid (Taurine), Chito-oligosaccharides
 - ▶ Hình thức (chất lỏng), đơn vị đóng gói (1 L, 20 L)



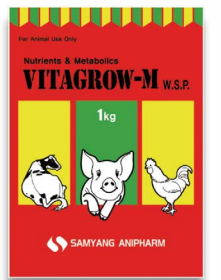
VIAMIN-34 inj.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) VIAMIN-34 inj.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-107, 1987. 6. 10.
- | HS-CODE 3004 50
- | Các nước đã xuất khẩu Việt Nam, Bangladesh, Indonesia, Uzbekistan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Đây là thuốc tiêm hỗn hợp vitamin, chất điện giải và axit amin với tổng lượng axit amin cao.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, ngựa, lợn, cừu, dê, chó, mèo
 - ▶ Tác dụng: Phương pháp truyền nước hỗ trợ nhằm phòng ngừa và điều trị mất nước, mất cân bằng điện giải và hiện tượng protein máu giảm trong khi phẫu thuật hoặc chảy máu sau phẫu thuật, khi phục hồi thể chất sau khi nôn mửa, tiêu chảy, sốt.
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Glucose, Sodium Acetate, Calcium Chloride, Potassium Chloride, Magnesium Sulfate, L-Arginine HCl, Sodium Glutamate, L-Histidine HCl H2O, L-Leucine, dl-Isoleucine, L-Lysine HCl, L-Methionine, dl-Phenylalanine, L-Threonine, dl-Tryptophane, dl-Valine, L-Cysteine HCl H2O, Thiamine HCl, Riboflavin, Nicotinamide, d-Panthenol, Pyridoxine HCl, Cyanocobalamin Minerals
 - ▶ Hình thức (thuốc tiêm), đơn vị đóng gói (20 mL, 50 mL, 100 mL)



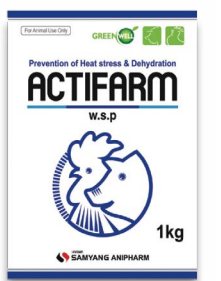
VITAGROW-M w.s.p

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) VITAGROW-M w.s.p
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-006, 1971. 10. 26.
- | HS-CODE 3004 50
- | Các nước đã xuất khẩu Myanmar, Việt Nam, Malaysia
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Đây là sản phẩm vitamin tổng hợp đơn vị cao có thể hòa tan trong nước, gồm các loại vitamin, khoáng chất và axit amin.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, ngựa, lợn, gà, vịt, cừu
 - ▶ Tác dụng: Giúp cải thiện hiệu quả thức ăn chăn nuôi, nâng cao tỷ lệ đẻ trứng, thúc đẩy chăn nuôi và tăng trưởng, cải thiện tỷ lệ sinh sản, phòng ngừa thiếu vitamin do vi khuẩn hoặc căng thẳng
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin K3, Vitamin B1 HCl, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin C, Calcium Panthothenate, Nicotinamide, Manganese Sulfate H2O, Zinc Sulfate 7H2O, Iron Sulfate 7H2O, Copper Sulfate 5H2O, Cobalt Sulfate, Potassium Iodide, Folic acid, DL-Methionine, Lysine HCl
 - ▶ Hình thức (bột), đơn vị đóng gói (1 kg, 10 kg)



ACTIFARM w.s.p

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) ACTIFARM w.s.p
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-A0008, 2008. 10. 10.
- | HS-CODE 3004 50
- | Các nước đã xuất khẩu Việt Nam, Đài Loan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, Trung Quốc, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Tăng cường khả năng ăn uống và khả năng miễn dịch
 - ▶ Tăng cường thể lực thúc đẩy tăng trưởng và giảm tỷ lệ tử vong
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, lợn, gà, dê
 - ▶ Tác dụng
 - Lợn: Thúc đẩy tăng trưởng, tăng lượng ăn thức ăn chăn nuôi, cải thiện hiệu quả thức ăn chăn nuôi, cải thiện chức năng gan, tăng cường miễn dịch, ngăn ngừa căng thẳng
 - Gà: Thúc đẩy tăng trưởng, tăng tỷ lệ đẻ trứng, rút ngắn thời gian thay lông, tăng cường miễn dịch, phòng ngừa căng thẳng, ngăn ngừa gan nhiễm mỡ
 - Bò, dê: Thúc đẩy tăng trưởng, tăng lượng ăn thức ăn chăn nuôi, cải thiện hiệu quả thức ăn, tăng cường khả năng miễn dịch, ngăn ngừa căng thẳng
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Taurine, Methionine, Ascorbic acid, Sorbitol, Glucose
 - ▶ Hình thức (bột), đơn vị đóng gói (100 g, 1 kg, 10 kg)





FLOCOL-200 sol.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) FLOCOL-200 sol.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 10-240, 2007. 12. 04.
- | HS-CODE 3004 20
- | Các nước đã xuất khẩu Việt Nam, Bangladesh, Malaysia, Uzbekistan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Sản phẩm này ít bị ảnh hưởng bởi các enzym chính có khả năng kháng vi khuẩn qua trung gian plasmid với chloramphenicol và thiamphenicol, do đó nó có hiệu quả đối với cả vi khuẩn có khả năng kháng thuốc. Những thay đổi về cấu trúc này giúp cải thiện hiệu quả, giảm độc tính và giảm độ nhạy.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Lợn, gia cầm
 - ▶ Tác dụng
 - Gia cầm: Điều trị nhiễm khuẩn Salmonella và E. Coli
 - Lợn: Điều trị các bệnh đường hô hấp như viêm phổi màng phổi ở lợn, viêm phổi do tụ huyết trùng, viêm phổi do mycoplasma, bệnh do khuẩn salmonella, bệnh liên cầu lợn
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Florfenicol
 - ▶ Hình thức (chất lỏng), đơn vị đóng gói (100 mL, 500 mL, 1 L)



ENPRO-100 inj.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) ENPRO-100 inj.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 10-191, 2000. 12. 26.
- | HS-CODE 3004 20
- | Các nước đã xuất khẩu Việt Nam, Bangladesh, Malaysia, Uzbekistan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Có tác dụng điều trị phạm vi rộng, chống lại vi khuẩn gram dương, vi khuẩn Mycoplasma.
 - ▶ Do cơ chế diệt vi khuẩn khác nhau nên không xuất hiện tình trạng kháng chéo với các kháng sinh khác.
 - ▶ Sau khi dùng, thuốc nhanh chóng được hấp thụ vào tất cả các mô với nồng độ điều trị trên mức thích hợp.
 - ▶ Do có nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) thấp hơn nhiều so với các kháng sinh khác, nên thuốc đạt hiệu quả gấp vài chục lần khi dùng ở cùng một liều lượng so với thuốc khác.
 - ▶ Là sản phẩm rất an toàn, hầu như không có tác dụng phụ.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Bò, lợn, chó, mèo
 - ▶ Tác dụng: Phòng và điều trị các bệnh tiêu hóa, hô hấp (bệnh do vi khuẩn mycoplasma, vi khuẩn gram dương và âm) như tiêu chảy do E.coli và khuẩn Salmonella ở bê, lợn, chó, viêm phổi do Mycoplasma và Pasteurella
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Enrofloxacin
 - ▶ Hình thức (thuốc tiêm), đơn vị đóng gói (50 mL, 100 mL)



TYFUL inj.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) TYFUL inj.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-031, 1976. 3. 22.
- | HS-CODE 3004 20
- | Các nước đã xuất khẩu Việt Nam, Uzbekistan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Hiệu quả vượt trội: ở nhóm thử nghiệm, tỷ lệ điều trị vào ngày thứ 6 là 75% (bệnh hô hấp: 70%, bệnh tiêu hóa: 80%), và vào ngày thứ 13 là 95% (bệnh hô hấp: 90%, bệnh tiêu hóa: 100%).
 - ▶ Tăng trọng: không chỉ tăng trọng mà còn tăng hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi.
 - ▶ Có tác dụng mạnh trong điều trị các bệnh về đường hô hấp.
 - ▶ Đảm bảo an toàn cao, không có trường hợp chết sau lần tiêm thứ 5
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Heo (heo)
 - ▶ Tác dụng: Điều trị các bệnh đường hô hấp do Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasteurella multocida, Mycoplasma hyopneumoniae, Haemophilus parasuis, và bệnh về tiêu hóa bao gồm tiêu chảy do khuẩn Salmonella và E. coli gây ra.
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Florfenicol, Tylosin base or tartrate, Dexamethasone acetate
 - ▶ Hình thức (thuốc tiêm), đơn vị đóng gói (100 mL)



VISIDE p.

- | Tên sản phẩm (tên xuất khẩu) VISIDE p.
- | Số cấp phép và ngày cấp phép 010-230, 2005. 12. 7.
- | HS-CODE 3808 94
- | Các nước đã xuất khẩu Trung Quốc, Thái Lan
- | Các nước muốn xuất khẩu Nga, châu Âu, châu Phi
- | Mô tả sản phẩm và đặc điểm
 - ▶ Sản phẩm đã được công nhận về hiệu quả chống lại bệnh lở mồm long móng tại viện nghiên cứu về lở mồm long móng uy tín ở nước ngoài.
 - ▶ Có khả năng khử trùng và sát khuẩn mạnh mẽ ngay cả trong điều kiện nhiệt độ, nước cứng và chất hữu cơ.
 - ▶ VISIDE rất an toàn
 - ▶ VISIDE không ăn mòn và thân thiện với môi trường
 - ▶ VISIDE ở dạng bột nên thuận tiện cho bảo quản, vận chuyển và xử lý.
 - ▶ Đối tượng vật nuôi sử dụng: Tất cả vật nuôi
 - ▶ Tác dụng
 - Tác dụng làm sạch và khử trùng trong và ngoài chuồng trại chăn nuôi, vệ sinh và khử trùng trong và ngoài trại heo, trại gia cầm, trại bò
 - Tác dụng làm sạch và khử trùng các loại thiết bị chăn nuôi, đường ống cấp nước và bồn chứa nước, máy cấp thức ăn chăn nuôi...
 - Các loại vi rút và vi khuẩn: ① Tác dụng đối với vi rút: bệnh lở mồm long móng, cúm gia cầm, bệnh Tân thành gà Newcastle, dịch tả lợn, bệnh giả dại trên heo, dịch tiêu chảy cấp (PED) ở lợn ② Tác dụng diệt trùng: Bệnh Brucella và các bệnh do vi khuẩn thông thường
 - ▶ Thành phần hoạt tính: Potassium monopersulfate, Malic acid, Sulphamic acid, Anhydrous citric acid, Sodium hexametaphosphate, Sodium dodecylbenzene sulphonate, Strawberry perfume
 - ▶ Hình thức (bột), đơn vị đóng gói (1 kg, 10 kg)

